

Số: 682 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 334/TTr-STNMT ngày 12/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH TMV Plywood Việt Nam¹ (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại thôn Cầu Ván, xã Dương Đức và thôn Tê, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

¹ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0108969248, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/10/2019, đăng ký thay đổi lần thứ ngày 16/11/2021

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định²: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Công Thương; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Dương Đức; UBND xã Tân Thanh; Công ty TNHH TMV Plywood Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH TMV Plywood Việt Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

² thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-TNMT ngày 01/4/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ XUẤT KHẨU”**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Cầu Ván, xã Dương Đức và thôn Tê, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH TMV Plywood Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

* Phạm vi: Dự án thực hiện tại thôn Cầu Ván, xã Dương Đức và thôn Tê, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng là 19.685 m².

* Quy mô, công suất của dự án:

- Công suất: Sản xuất gỗ ván ép xuất khẩu với quy mô 19.000 m³/năm, tương đương 850.000 m²/năm (diện tích thực hiện dự án theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh khoảng 23.313,5 m²; Công ty TNHH TMV Plywood Việt Nam có Văn bản số 08/CK-TMV ngày 04/7/2024 về việc cam kết diện tích đất thực hiện dự án là 19.685 m²).

- Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên khu đất có diện tích 19.685 m² theo Quy hoạch tổng mặt bằng dự án “Nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu” (tỷ lệ 1/500) đã được UBND huyện Lạng Giang phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 21/5/2024, bao gồm: Đất xây dựng công trình có tổng diện tích 11.245 m²; đất cây xanh diện tích 3.965 m²; đất hạ tầng kỹ thuật, sân, đường nội bộ có tổng diện tích 4.475 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư, bao gồm: Nhà xưởng 1 diện tích 5.040 m², nhà xưởng 2 diện tích 5.040 m², nhà cơ khí diện tích 668 m², nhà văn phòng và nhà trực ca công nhân 240 m³. Ngoài ra, còn có các công trình phụ trợ như nhà ăn, nhà lò hơi, nhà bảo vệ, nhà bơm PCCC... và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật như công trình giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

- + Hoạt động giải phóng mặt bằng.
- + Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- + Hoạt động vận hành của dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 15.307,3 m², là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích thi công xây dựng là 19.685 m², trong đó: diện tích đất trồng lúa 2 vụ trở lên (LUC) là 15.307,3 m² và các loại đất khác là 4.377,7 m².

- Hoạt động đào đắp, san nền, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công, hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình,...

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển san lấp, nguyên vật liệu thi công xây dựng, từ hoạt động của các phương tiện, máy móc trên công trường. Khí thải phát sinh từ quá trình hàn.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng dự án, nước thải từ quá trình thi công xây dựng; nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, lớp đất bóc hữu cơ, chất thải thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung.

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng, lũ lụt,...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Bụi khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển gỗ nguyên liệu về dự án và sản phẩm đi tiêu thụ, từ quá trình sản xuất gỗ, từ hệ thống lò hơi phục vụ công đoạn sấy gỗ, mùi từ khu vực xử lý nước thải và lưu trữ rác thải sinh hoạt, mùi và hơi dung môi trong công đoạn tráng keo và ép nóng gỗ, với thông số đặc trưng như bụi, CO, SO₂, NO_x, hơi hữu cơ (VOC_s)...

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân và nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất; bùn từ bể tự hoại, bùn dư từ bể xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 2,25 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms...

- Nước thải thi công (bao gồm: Nước rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hồ bê tông, nước rửa bánh xe,...) phát sinh khoảng 3 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD,...

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, hoạt động đào đắp san nền, từ quá trình bốc xúc, tập kết nguyên vật liệu xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi, ...

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là khói hàn, CO, NO_x...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

* Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải từ hoạt động đào đắp, san nền: Đất bóc tầng mặt của đất chuyên trồng lúa nước (LUC) khoảng 2.835 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 4,18 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng (gồm: gạch đá loại, vôi vữa, sắt thép, gỗ, vỏ bao xi măng...) từ 6,8 - 34,01 tấn trong cả giai đoạn thi công xây dựng.

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 9,5 kg/tháng, với thành phần chủ yếu như giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, vỏ hộp sơn, thùng sơn, cặn sơn; pin,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc tham gia thi công xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện san gạt, vận chuyển vật liệu xây dựng...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực...

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn giao thông, các rủi ro về thiên tai, sự cố ngập úng...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của 80 cán bộ, công nhân tại dự án khoảng 8 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích khu vực dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS,...

* Bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển gỗ nguyên liệu về dự án, sản phẩm đi tiêu thụ và phương tiện giao thông của công nhân, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, C_xH_y, CO, NO₂, SO₂,...

- Bụi phát sinh từ khâu cắt xẻ, bóc gỗ, cắt, gia công, chà nhám,....;

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò hơi đốt củi phục vụ công đoạn sấy gỗ, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...

- Mùi và hơi dung môi (VOCs: formandehyt) phát sinh từ công đoạn tráng keo và ép nóng gỗ.

- Mùi từ khu vực xử lý nước thải và lưu trữ chất thải sinh hoạt.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân tại dự án (chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy như rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa, hộp nhựa...) khoảng 24 kg/ngày.

- Bùn thải từ bể tự hoại khoảng 3,2 m³/năm và từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 1,416 kg/ngày.

* Chất thải rắn sản xuất:

- Mảnh gỗ vụn, vỏ cây, gỗ loại (không chứa keo) khoảng 17.438,9 tấn/năm.

- Bụi từ khâu chà nhám (không chứa keo) khoảng 1.188 tấn/năm.

- Mùn cưa (công đoạn cắt không chứa keo) khoảng 1.123,1 tấn/năm.

- Tro than lò hơi: tro than khoảng 1% tổng lượng nguyên liệu, tương đương khoảng 24 tấn/năm.

+ Các loại chất thải sản xuất khác (như: thùng carton, túi nilon, bìa cứng...) khoảng 1,2 tấn/năm.

+ Bùn phát sinh từ các bể tự hoại khoảng 18 m³/năm.

*** Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, lau chùi máy móc, thiết bị khoảng 120 kg/tháng, với thành phần chủ yếu như dầu mỡ thải, thùng đựng dầu thải, găng tay, giẻ lau có nhiễm thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang hỏng...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm đi tiêu thị và các công đoạn của quá trình sản xuất (như: bóc ván, chà nhám, cắt cạnh...).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt; sự cố hệ thống thu gom nước thải; sự cố hệ thống xử lý nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt:**

- Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải 800 lít/bể đặt tại khu lán trại của công nhân.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

*** Nước thải thi công**

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu, rửa máy móc, thiết bị trong suốt quá trình thi công xây dựng. Đồng thời, bố trí 02 thùng phuy có dung tích 200 lít/thùng để chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó tận dụng nước thải này cho phối trộn vật liệu xây dựng, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe: Xây dựng tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 3m³ để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước dập bụi trên công trường thi công, không xả thải ra môi trường.

*** Nước mưa chảy tràn:**

- Vạch tuyến thoát nước mưa trên công trường rộng 40cm, sâu 40cm, cứ 20m bố trí 01 hố ga lắng cặn có kích thước dài x rộng x sâu = 1mx1mx1m, đảm bảo độ dốc địa hình theo nguyên lý tự chảy, sau đó thoát ra rãnh thoát nước phía

sau dự án và thoát ra nguồn tiếp nhận (là kênh tiêu Ngòi Đức Mại thuộc địa phận thôn Cầu Ván, xã Dương Đức, huyện Lạng Giang).

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố ga, với tần suất 01 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây ngập úng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tưới nước dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất san nền và vật liệu xây dựng 01 lần/ngày trong phạm vi bán kính 1,0 km từ dự án và tăng tần suất lên từ 02 lần/ngày trong những ngày hanh khô, nắng nóng.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuyếch tán vào môi trường không khí.

- Bảo dưỡng phương tiện và máy móc thi công định kỳ để giảm ô nhiễm không khí phát sinh.

- Vệ sinh, thu dọn nguyên liệu rơi vãi trên đường và duy trì sử dụng xe phun nước mặt đường trong ngày nắng và khí hậu hanh khô để giảm thiểu ô nhiễm bụi. Tần suất phun tưới ẩm nhằm giảm thiểu bụi trong quá trình thi công dự kiến 02 lần/ngày, lưu lượng khoảng 1 m³/ngày. Phun nước trên những tuyến đường vành đai khu vực dự án và các tuyến đường vận chuyển trong khu vực dự án nhằm hạn chế đến mức tối đa việc phát tán bụi vào không khí, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và người dân địa phương.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường. Các phương tiện ra vào công trường được vệ sinh tại khu vực cổng công trường (trong khuôn viên dự án).

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, có biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (như: găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 01 thùng chứa chất thải sinh hoạt, dung tích 200 lít tại khu vực cạnh nhà bảo vệ trên công trường.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 03 - 05 ngày/lần).

*** Chất thải rắn thi công xây dựng**

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau; đối với chất thải không tận dụng được, chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất hữu cơ bóc tầng mặt được tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, không vận chuyển ra ngoài dự án.

- Đối với chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom, phân loại và xử lý như sau:

+ Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng (như: đầu mẫu sắt, thép; bao bì carton,...) được thu gom và bán cho đơn vị thu mua.

+ Các loại chất thải rắn khác (như: gạch vỡ, vữa dư thừa,...) được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm (diện tích 5 m²) cạnh khu vực kho chứa nguyên vật liệu thi công; kho chứa có tường bao, mái che, cửa kho có biển báo theo quy định. Mỗi loại chất thải được lưu chứa trong các thùng riêng biệt, dung tích 100 lít/thùng, có dán nhãn tên, mã chất thải theo quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 01 lần khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ. Trang bị cho công nhân trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn-QCVN 26:2010/BTNMT là 70 dBA; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung-QCVN 27:2010/BTNMT là 75 dB).

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; Phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công. Bố trí người chỉ dẫn phương

tiện giao thông trong khung giờ cao điểm, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại khu vực thi công.

- Lắp rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại hai đầu vào khu vực thi công.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Lắp đặt thiết bị chữa cháy theo đúng quy định tại khu vực có nguy cơ cháy, nổ; lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão. Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra kênh tiêu Ngòi Đức Mại.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom, xử lý bằng 4 bể tự hoại 3 ngăn tại 04 khu vực: khu vực văn phòng, khu nhà trực ca của công nhân, nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2. Dung tích mỗi bể 9 m³ (kích thước 3 m x 2m x 1,5m). Kết cấu bê tông cốt thép đổ tại chỗ, bê tông mác 200. Đất dưới đáy và cát xung quanh bể được đầm chặt, lót đáy bể bằng bê tông đá 2x4, mác 150, dày 100mm.

- Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom vào 01 bể tách mỡ có dung tích 1 m³.

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và nước thải nhà ăn sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 15 m³/ngày của dự án để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra mương tiêu nước phía sau dự án, sau đó thoát vào kênh tiêu Ngòi Đức Mại.

- Hệ thống xử lý nước thải: số lượng 01, công suất 15 m³/ngày.

+ Công nghệ xử lý: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả nước thải sau xử lý được thoát nước ra phía góc Đông Nam vào mương tiêu nước phía sau dự án, sau đó thoát vào kênh tiêu Ngòi Đức Mại.

* Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực được bố trí thoát nước bằng rãnh B400, rãnh thoát nước được bố trí quanh dự án có chiều dài 659,3m. Nước mưa

được thu gom vào cống thoát nước, sau đó thoát vào mương tiêu nước phía sau dự án và chảy vào kênh tiêu Ngòi Đức Mai (còn gọi là Ngòi Bùng); hệ thống thoát nước mưa theo phương thức tự chảy, được thu gom tới các hố ga thu xây gạch 220x220, vữa xi măng M75#, đáy ga đổ BTXM mác M150#, dưới có lớp đệm đá dăm 4x6, dày 10 cm.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Giảm thiểu ô nhiễm bụi do hoạt động vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu

- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông trong phạm vi nội bộ dự án.

- Thường xuyên vệ sinh tuyến đường nội bộ trong dự án, không để đất, cát tích lũy lâu ngày trên đường; vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế bụi phát tán từ mặt đất.

* Giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình sản xuất

- Bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất bóc vỏ, cắt, gia công gỗ, chà nhám (đánh bóng) được thu hồi tại các khu vực phát sinh qua các chụp hút bằng quạt hút ly tâm về hệ thống lọc bụi túi vải (hay còn gọi là lọc bụi tay áo), tại đây toàn bộ lượng bụi gỗ được giữ lại ở các túi vải, không khí sạch thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Công nghệ: Bụi → Chụp hút → Quạt ly tâm → Hệ thống lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống thoát khí.

- Hệ thống xử lý: số lượng 01.

+ Hiệu suất xử lý: 95-98%;

+ Công suất: 2.000 m³/giờ.

+ Chụp hút: D4000xR500xH2500 mm, số lượng: 05 cái.

+ Thiết bị xử lý: 1.180x1.180x4.150 (mm)

+ Ống thoát khí: chiều cao 5 m.

* Mùi, khí thải từ khâu tráng keo, ép nóng:

- Mùi, khí thải phát sinh tại khâu tráng keo, ép nóng được thu vào hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính qua các chụp hút để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí. Khí thải thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

- Công nghệ: Mùi, khí thải → Chụp hút → Thiết bị xử lý bằng than hoạt tính → Ống thoát khí.

- Hệ thống xử lý: 01 hệ thống

+ Quạt hút: 7.500 m³/giờ.

+ Chụp hút: D4000xR500xH2500 mm, số lượng: 04 cái.

+ Thiết bị xử lý khí: chiều cao 4m, mặt cắt ngang: Ø 1000mm

+ Ống thoát khí: Chiều cao: 4m, mặt cắt ngang: Ø 500mm.

+ Lốp than hoạt tính: kích thước: 250x1000x1000mm, số lớp: 2 lớp

+ Hiệu quả xử lý: 95 - 98%

* Bụi, khí thải lò hơi đốt củi:

- Bụi, khí thải lò hơi: Lò hơi là hệ thống khép kín, bụi, khí thải phát sinh từ buồng đốt được đưa sang hệ thống cyclone đập bụi khô bằng ống dẫn nhờ quạt hút, sau đó toàn bộ dòng khí được hấp thụ bằng dung dịch nước vôi trong. Dòng khí sau khi ra khỏi thiết bị xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao 8m.

- Công nghệ: Bụi, khí thải → Lọc bụi → Hấp thụ → Ống khói

- Hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

+ Công suất hơi: 1.000 kg hơi/giờ

+ Nhiên liệu: Củi, mùn cưa, phế liệu gỗ.

+ Kích thước tổng thể: 4mx3mx3,5m.

+ Vật liệu chế tạo: Thép chịu nhiệt, thép không gỉ cho các phần tiếp xúc với nhiệt độ cao.

+ Hiệu suất xử lý: 90 - 95%.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít tại khu vực nhà bếp, nhà ăn và các sọt đựng rác tại từng phòng vệ sinh và khu vực văn phòng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Đối với chất thải hữu cơ từ nhà bếp cho công nhân hoặc người dân xung quanh làm thức ăn chăn nuôi; đối với chất thải có thể tái chế được bán cho đơn vị thu gom để tái chế; các loại chất thải còn lại, chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/ngày).

- Bùn từ bể tự hoại và bể xử lý nước thải: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

* Chất thải rắn sản xuất:

- Các loại chất thải như mảnh gỗ vụn, bụi từ khâu chà nhám, mùn cưa, đầu mẫu gỗ ván ép thừa, ván ép không đạt tiêu chuẩn... được thu gom, sau đó lưu chuyển về nhà lò hơi (tổng diện tích 210 m²) để sử dụng làm nguyên liệu cho lò hơi (tần suất thu gom: hàng ngày).

- Tro than lò hơi: Thu gom hàng ngày về kho chứa chất thải sản xuất diện tích 12 m², chủ dự án cho nhân dân xung quanh hoặc công nhân làm việc tại dự án tận dụng làm nguyên liệu trồng cây, trường hợp dư thừa, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

- Các loại chất thải sản xuất thông thường khác được thu gom vào kho chứa (diện tích 12 m²) cùng với các loại chất thải sản xuất khác, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng được đặt trong kho chứa chất thải nguy hại (diện tích 08 m²). Kho chứa có cửa khóa, biển cảnh báo, nền bê tông xi măng, đặt cạnh kho chứa chất thải thông thường.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý, tạo môi trường làm việc rộng. Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị. Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao. Trang bị bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên (như: chụp tai hoặc nút bịt tai) khi thực hiện các công đoạn có độ ồn lớn.

- Đối với các thiết bị có công suất lớn sẽ lắp đặt đệm cao su chống rung.

+ Chống rung tại nguồn: tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục (như: kê cân bằng máy, sử dụng vật liệu phi kim loại...).

+ Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (nh: hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi...), sử dụng các dụng cụ tác nhân chống rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trang bị bình chữa cháy, vòi phun nước tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực khả năng bị sét đánh.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* Không khí khu làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

*** Giám sát chất thải:**

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định..

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

*** Nước thải sinh hoạt:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước thải ra ngoài môi trường;

- Thông số giám sát: pH, Tổng chất rắn hoà tan, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅ (20 °C), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻)(tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Sunfua (tính theo H₂S), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

*** Khí thải:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hệ thống xử lý bụi tại công đoạn cắt xẻ, bóc gỗ, chà nhám, đánh bóng; 01 vị trí tại hệ thống xử lý mùi, hơi keo; 01 vị trí tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Thông số giám sát:

+ Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn cắt xẻ, chà nhám, đánh bóng: Bụi;

+ Hệ thống xử lý mùi, hơi keo: Bụi, NO_x, CO, SO₂, formaldehyt;

+ Hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh:

+ Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn cắt xẻ, chà nhám, đánh bóng và hệ thống xử lý khí thải lò hơi: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

+ Hệ thống xử lý mùi, hơi keo: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động

môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Thực hiện và sử dụng tầng đất mặt của dự án đảm bảo theo đúng phương án đã lập và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố, phòng cháy, chữa cháy và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 334/TTr-STNMT ngày 12/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.